

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUỲ CHÂU  
NGHỆ AN**

Bản án số: 75/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 23-11-2020

V/việc: " Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình "

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲ CHÂU - TỈNH NGHỆ AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa :* Ông Trần Hoài Nam.

*Các Hội thẩm nhân dân :*

Bà Hà Thị Xinh.

Ông Vy Ngọc Hùng.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lô Văn Linh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:** Bà Trần Hoàng Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2020 về Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Hà Thị T. Sinh năm: 1991

Trú tại: Bản T, xã C, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An

Có mặt

**- Bị đơn:** Anh Lữ Văn Đ. Sinh năm: 1991

Trú tại: Bản T, xã C, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An

Có mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/10/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn - chị Hà Thị T trình bày: Chị Hà Thị T và anh Lữ Văn Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và chung sống với nhau từ năm 2009. Đến ngày 24 tháng 4 năm 2015 thì làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND xã C, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh Đức thường xuyên uống rượu say và sử dụng ma túy. Hai người đã sống ly thân từ đầu năm 2020 và không còn quan tâm, chăm sóc gì nhau nữa. Do tình trạng hôn nhân ngày càng

trầm trọng, không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Vì vậy, chị T làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Lữ Văn Đ.

Về quan hệ con cái: Chị Hà Thị T và anh Lữ Văn Đ có hai con chung là Lữ Thị Hoài Q, sinh ngày 05 tháng 02 năm 2010 và Lữ Thị Hoài U, sinh ngày 08 tháng 01 năm 2015. Ngoài ra, hai người không nhận nuôi con nuôi và không ai có con riêng. Nếu ly hôn, chị T xin nhận nuôi dưỡng con chung là cháu Lữ Thị Hoài U và để cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lữ Thị Hoài Q. Không bên nào phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, anh Lữ Văn Đ trình bày: Anh và chị T kết hôn với nhau vào năm 2009 và có đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND xã C, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An vào ngày 24/4/2015. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc mặc dù bản thân anh thừa nhận có những hạn chế như chị T đã trình bày. Theo anh Đ thì bản thân đang còn tình cảm với chị T nên mong muốn vợ chồng hàn gắn tình cảm để tiếp tục chung sống, làm ăn xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con cái. Do đó, anh Đ không đồng ý ly hôn theo như yêu cầu của chị T. Anh Đ và chị T có hai người con chung đúng như chị T trình bày. Nếu ly hôn, anh Đ yêu cầu được giao nuôi cả hai con chung và đề nghị chị T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu với số tiền 1.500.000<sup>d</sup> (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/ tháng cho đến khi các con chung trưởng thành. Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản.

Quá trình giải quyết vụ án, cháu Lữ Thị Hoài Q trình bày: Nếu bố mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở với bố.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Cho chị T được ly hôn với anh Đ, giao con chung là cháu Lữ Thị Hoài U cho chị T nuôi dưỡng và anh Đ sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lữ Thị Hoài Q. Không ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Áp dụng điều 147 BLTTDS, buộc chị T phải chịu án phí DSST.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa chị Hà Thị T và anh Lữ Văn Đ là “Ly hôn”. Vì vậy, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Châu theo quy định tại khoản 1 điều 28 và điểm a khoản 1 điều 35 BLTTDS.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ tình cảm: Hôn nhân giữa chị Hà Thị T và anh Lữ Văn Đ được xác lập trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng và có đăng ký kết hôn phù hợp với quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị T vẫn nhất quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ mặc dù anh Đ cho rằng tình cảm vợ chồng đang còn, mong muốn đoàn tụ để xây dựng hạnh phúc gia đình. Xét thấy, quan hệ vợ chồng của chị T và anh Đ mới được xác lập với thời gian chưa dài. Tuy nhiên, vì thiếu sự tôn trọng và trách nhiệm với nhau trong cuộc sống nên giữa hai bên thường phát sinh mâu thuẫn. Ngoài ra, theo chị T trình bày cũng như anh Đ thừa nhận thì anh Đ còn sử dụng ma túy, từ đó vợ chồng thường xảy ra va chạm, xích mích nhau, không có trách nhiệm đề cùng nhau làm ăn xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con cái. Thấy rằng, hôn nhân của chị T - anh Đ không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, nên chấp nhận yêu cầu của chị Tuyết, cho chị Hà Thị T được ly hôn với anh Lữ Văn Đ, điều này là phù hợp với thực tế cuộc sống và cũng là phù hợp với quy định tại điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Quan hệ con cái: Vợ chồng có hai con chung, không ai có con riêng và không nhận nuôi con nuôi. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị T đều yêu cầu nếu ly hôn thì chị xin nhận nuôi dưỡng cháu Lữ Thị Hoài U và anh Đ sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lữ Thị Hoài Q, không bên nào phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Trong khi đó, anh Đ yêu cầu được giao nuôi cả hai con chung và đề nghị chị T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng với số tiền 1.500.000<sup>d</sup> (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/ cháu cho đến khi các con chung trưởng thành. Thấy rằng, việc giao con chung chưa thành niên cho ai nuôi sau khi vợ chồng ly hôn là xuất phát từ quyền lợi của người con được nuôi dưỡng trong điều kiện tốt nhất về mọi mặt. Theo lời khai của cháu Q trong quá trình giải quyết vụ án thì nếu anh Đ và chị T ly hôn thì nguyện vọng của cháu là được ở với anh Đ. Còn cháu Lữ Thị Hoài U hiện nay đang còn nhỏ nên rất cần được sự chăm sóc của người mẹ. Do đó, nên giao con chung là Lữ Thị Hoài Q cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung là Lữ Thị Hoài U cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với hoàn cảnh của các bên và lợi ích của con cái.

[2.3] Quan hệ tài sản: Chị Hà Thị T và anh Lữ Văn Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản. Vì vậy, nên miễn xét.

[3] Về án phí: Cần buộc chị Hà Thị T phải chịu án phí DSST về ly hôn.

*Vì các lẽ trên.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 147 BLTTDS;

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Quan hệ tình cảm: Chấp nhận yêu cầu của chị Hà Thị T. Cho chị Hà Thị T được ly hôn với anh Lữ Văn Đ.

2. Về con cái:

- Giao cho chị Hà Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Lữ Thị Hoài U, sinh ngày 08 tháng 01 năm 2015 cho đến khi trưởng thành.

- Giao cho anh Lữ Văn Đ chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Lữ Thị Hoài Q, sinh ngày 05 tháng 02 năm 2010 cho đến khi trưởng thành.

- Các bên không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Các bên có quyền đi lại, thăm nom và giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Hà Thị T phải chịu 300.000<sup>d</sup> (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST về ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2018/0001725 ngày 22 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Châu. Chị T đã nộp đủ án phí DSST.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Hà Thị T và anh Lữ Văn Đ có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Quỳnh Châu;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Châu;
- Phòng KTNV&THA - TAND tỉnh Nghệ An;
- UBND xã C, H.Quỳnh Hợp, T.Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Trần Hoài Nam**